

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ
DẦU KHÍ – CTCP

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/TTr-ĐHĐCĐ-TKDK

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 59/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính ban hành về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – CTCP (“Điều lệ PVE”) ban hành ngày 29/06/2018;

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được xây dựng theo mẫu Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 116/2020 với các điều khoản như Dự thảo kèm theo.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



BÙI HỮU GIANG

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN



TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2025

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Giải thích từ ngữ	3
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của BKS	3
CHƯƠNG II. KIỂM SOÁT VIÊN	3
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của KSV	3
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng KSV.....	3
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện KSV.....	4
Điều 7. Trưởng BKS	4
Điều 8. Đề cử, ứng cử KSV.....	4
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV	4
Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS.....	4
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV.....	5
Chương III. BAN KIỂM SOÁT	5
Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của BKS	5
Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của BKS	6
Điều 14. Trách nhiệm của BKS trong việc triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ	6
Chương IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	6
Điều 15. Các cuộc họp của BKS.....	6
Điều 16. Biên bản họp BKS	7
CHƯƠNG V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	7
Điều 17. Trình báo cáo hàng năm.....	7
Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác.....	7
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.....	7
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	8
Điều 20. Mối quan hệ giữa các KSV.....	8
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành.....	8
Điều 22. Mối quan hệ với HĐQT	8
Điều 23. Mối quan hệ với người đại diện của Tổng công ty tại các Đơn vị thành viên và Đơn vị trực thuộc.....	8
Điều 24. Mối quan hệ với KSV tại các Đơn vị thành viên, công ty liên kết	8
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	9
Điều 25. Điều khoản thi hành.....	9

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng cho Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác, các thuật ngữ đã được định nghĩa và viết tắt tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty sẽ có ý nghĩa tương tự như được quy định trong Quy chế này.

“Đơn vị trực thuộc” là các chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty.

“Đơn vị thành viên” là công ty cổ phần do Tổng công ty sở hữu cổ phần chi phối.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của BKS

BKS làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các KSV chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các công việc, quyết định của BKS.

CHƯƠNG II. KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của KSV

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty và cổ đông.
3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Tổng công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì KSV phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà KSV có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng công ty.
6. Trường hợp phát hiện có KSV khác vi phạm trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến BKS, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng KSV

1. BKS có ba (03) KSV. BKS phải có ít nhất hai phần ba (2/3) KSV thường trú tại Việt Nam. KSV không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.
2. Nhiệm kỳ của KSV không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp KSV có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà KSV nhiệm kỳ mới chưa được

bầu thì KSV đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi KSV nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

3. Việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
4. Người được bầu làm Trưởng BKS hoặc KSV có trách nhiệm tiếp nhận việc bàn giao và đảm nhiệm ngay công việc theo chức danh được bầu. KSV bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho các thành viên đương nhiệm của BKS trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm, đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với công việc của mình trong thời gian đã đảm nhiệm chức danh đó.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện KSV

KSV phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 7. Trưởng BKS

1. Trưởng BKS do BKS bầu trong số các KSV; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng BKS do Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này quy định.
3. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Điều 8. Đề cử, ứng cử KSV

1. Việc ứng cử, đề cử KSV được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ Tổng công ty.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại khoản 3 Điều 16 Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu KSV theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. Việc biểu quyết bầu KSV thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS

1. KSV bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm KSV theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty.
- 2. KSV bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của KSV theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
 - d) Theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV

Việc thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV được thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin.

CHƯƠNG III. BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của BKS

BKS có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- 1. Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp nhận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp nhận khi xét thấy cần thiết;
- 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- 3. Giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của TV HĐQT, TGD, người quản lý khác,
- 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, TGD và cổ đông;
- 5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của TV HĐQT, TGD và người điều hành khác của doanh nghiệp, BKS phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- 6. Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua;
- 7. Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- 8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc;
- 9. Có quyền yêu cầu HĐQT, TV HĐQT, TGD và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;
- 10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của BKS

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến KSV cùng thời điểm và theo phương thức như đối với TV HĐQT, bao gồm:
 - Thông báo mời họp, Phiếu lấy ý kiến TV HĐQT và tài liệu kèm theo;
 - Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT;
 - Báo cáo của TGD trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành.
2. KSV có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.
3. HĐQT, TV HĐQT, TGD, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của KSV hoặc BKS.

Điều 14. Trách nhiệm của BKS trong việc triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ

1. BKS có trách nhiệm thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ của BKS nhưng HĐQT không thực hiện.
2. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì BKS phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Tổng công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Các cuộc họp của BKS

1. Cuộc họp thường kỳ: BKS họp định kỳ ít nhất mỗi năm hai (02) lần.
2. Cuộc họp được coi là họp lệ khi số lượng KSV tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số lượng KSV trong BKS.
3. Thông báo và chương trình họp: Cuộc họp của BKS được tiến hành sau năm (05) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các KSV. Trường hợp khẩn cấp khi xét thấy cần thiết, thông báo mời họp có thể gửi trong vòng một (01) ngày đến các KSV.
4. BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, TGD và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự các cuộc họp và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.
5. Các kiến nghị của BKS phải được đưa ra lấy ý kiến tập thể trong BKS và biểu quyết theo nguyên tắc đa số (quá bán). Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng là ý kiến của Trưởng BKS hoặc KSV được Trưởng BKS ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng BKS vắng mặt). KSV có quyền bảo lưu ý kiến trong báo cáo của BKS.

Điều 16. Biên bản họp BKS

Cuộc họp BKS phải được lập thành biên bản. Biên bản họp BKS phải được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các KSV tham dự họp phải ký tên vào biên bản họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng KSV.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Các báo cáo của BKS tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, TGD đề trình ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và KSV.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng KSV.
4. Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với HĐQT, TGD và những người điều hành khác của Tổng công ty.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của KSV thực hiện theo quy định tại Điều 40 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. KSV của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo

với Tổng công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. KSV và những người có liên quan của các KSV chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.
4. KSV có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với KSV hoặc với những người có liên quan của KSV theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do HĐQT hoặc HĐQT chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. KSV và những người có liên quan của các KSV này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các KSV

Các KSV có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của BKS theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Trưởng BKS là người điều phối công việc chung của BKS nhưng không có quyền chi phối các KSV.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

BKS có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Tổng công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 22. Mối quan hệ với HĐQT

BKS có mối quan hệ độc lập với HĐQT Tổng công ty, là cơ quan thực hiện chức năng giám sát hoạt động của HĐQT.

Điều 23. Mối quan hệ với người đại diện của Tổng công ty tại các Đơn vị thành viên và Đơn vị trực thuộc

1. Người đại diện của Tổng công ty tại các Đơn vị thành viên và Đơn vị trực thuộc phải cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát theo yêu cầu của BKS hoặc KSV và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.
2. BKS có trách nhiệm bảo mật số liệu, tài liệu theo quy định pháp luật.

Điều 24. Mối quan hệ với KSV tại các Đơn vị thành viên, công ty liên kết

BKS Tổng công ty phối hợp với người đại diện Tổng công ty giữ chức vụ KSV tại các Đơn vị thành viên trong công tác chuyên môn để thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao trong các cuộc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này bao gồm 7 Chương, 25 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – Công ty cổ phần nhất trí thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2025 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, có hiệu lực kể từ ngày được thông qua.
2. Trường hợp có sự không thống nhất giữa Quy chế này với Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty thì các quy định của Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty sẽ được lần lượt ưu tiên áp dụng. Các nội dung khác không quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và các nghị quyết của ĐHĐCĐ.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát có giá trị khi có chữ ký của Trưởng Ban kiểm soát hoặc người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



BÙI HỮU GIANG

